

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH CÀ MAU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08-01-2025

“V/v không công nhận vợ chồng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Phạm Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Lệ Hoa

Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Kiều là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2024/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị T; Sinh năm: 1981 (Xin vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1; Sinh năm: 1980 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông T1 tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới vào năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát

sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông bà đã không còn chung sống với nhau khoảng 06 năm nay nên bà T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng đối với ông T1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Đình K – sinh năm 1996 và Nguyễn Thúy H – sinh năm 2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do phải đi làm xa nên bà T yêu cầu xét xử vắng mặt chị cho đến khi kết thúc vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong vụ án cho ông Nguyễn Văn T1 nhưng ông T1 không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Hồ Thị T khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng với bị đơn là ông Nguyễn Văn T1. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Ông T1 có nơi cư trú tại ấp E, xã T huyện T, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà T và ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T1 vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T và ông T1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Theo bà T trình bày thì bà T và ông T1 tự nguyện tổ chức lễ cưới năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn vì vậy Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu của bà T trong vụ án không công nhận vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống bà T và ông T1 có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình

nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Văn T1 là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Đình K – sinh năm 1996 và Nguyễn Thúy H – sinh năm 2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do bà T đã dự nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468 bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T về việc không công nhận vợ chồng đối với ông Nguyễn Văn T1.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Hồ Thị T2 ông Nguyễn Văn T1 là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng. Ngày 11/11/2024 bà Hồ Thị T có dự nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016606 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ.

3. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Phạm Lan Chi